

Công ty Cổ phần Hàng hải Hà nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý I/2007

I. Bảng cân đối kế toán

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	99,252,129,478	97,252,481,553
1	Tiền & các khoản tương đương tiền	19,087,880,851	25,205,573,412
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu	57,024,915,729	52,838,090,264
4	Hàng tồn kho	18,994,322,645	16,516,948,386
5	Tài sản ngắn hạn khác	4,145,010,253	2,691,869,491
II	Tài sản dài hạn	101,137,728,846	97,028,221,243
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	57,763,191,171	56,630,008,819
	- Tài sản cố định hữu hình	33,423,493,391	36,256,858,344
	- Tài sản cố định vô hình	-	-
	- Tài sản cố định thuê tài chính	15,214,434,863	11,268,722,954
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9,125,262,917	9,104,427,521
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	41,973,382,314	38,473,382,314
5	Tài sản dài hạn khác	1,401,155,361	1,924,830,110
III	Tổng tài sản	200,389,858,324	194,280,702,796
IV	Nợ phải trả	91,883,876,611	88,373,609,950
1	Nợ ngắn hạn	47,034,218,941	49,174,554,680
2	Nợ dài hạn	44,849,657,670	39,199,055,270
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	108,505,981,713	105,907,092,846
1	Vốn chủ sở hữu	105,695,344,301	104,267,830,434
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	67,056,400,000	67,056,400,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	11,793,151	
	- Các quỹ	27,074,192,805	21,450,268,805
	- Lợi nhuận chưa phân phối	11,552,958,345	15,761,161,629
2	Nguồn kinh phí & quỹ khác	2,810,637,412	1,639,262,412
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,810,637,412	1,639,262,412
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	Tổng nguồn vốn	200,389,858,324	194,280,702,796

II - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	54,567,327,565	54,567,327,565
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	54,567,327,565	54,567,327,565
4	Giá vốn hàng bán	48,892,366,166	48,892,366,166
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,674,961,399	5,674,961,399
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2,094,053,601	2,094,053,601
7	Chi phí tài chính	480,841,176	480,841,176
8	Chi phí bán hàng	218,329,950	218,329,950
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,589,679,589	3,589,679,589
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3,480,164,285	3,480,164,285
11	Thu nhập khác	43,281,817	43,281,817
12	Chi phí khác	-	-
13	Lợi nhuận khác	43,281,817	43,281,817
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,523,446,102	3,523,446,102
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	440,564,909	440,564,909
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,082,881,193	3,082,881,193
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	460	460
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2007

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

HOÀNG DUY ANH

NGUYỄN TRUNG DŨNG

NGUYỄN QUỐC DŨNG